

MÔ HÌNH KINH TẾ NHÀ NƯỚC DẪN DẮT PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM TRONG 40 NĂM ĐỔI MỚI

★ PGS, TS HOÀNG VĂN HOAN

Vụ Các trường chính trị,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

DOI: <https://doi.org/10.70786/LLCT.580.2026.92>

● **Tóm tắt:** Bài viết phân tích sự hình thành và vận hành mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển ở Việt Nam. Trên cơ sở đối chiếu với Nghị quyết số 79 ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước và chuỗi dữ liệu giai đoạn 1986-2025, bài viết chỉ ra sự chuyển dịch cấu trúc từ can thiệp trực tiếp sang vai trò kiến tạo, điều phối và dẫn dắt chiến lược, đồng thời đề xuất các giải pháp hoàn thiện vai trò kinh tế nhà nước như hạt nhân điều phối của hệ sinh thái phát triển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

● **Từ khóa:** kinh tế nhà nước; mô hình dẫn dắt phát triển; Nghị quyết số 79.

State-led economic development model in Vietnam during 40 years of renovation

● **Abstract:** The article analyzes the formation and operation of the state-led economic development model in Vietnam. Based on a comparison with Resolution No. 79 dated January 6, 2026, of the Politburo on the development of the state-owned economy and the data series from 1986-2025, the article points out the structural shift from direct intervention to the role of designing, coordinating, and leading strategy, while also proposing solutions to improve the role of the state economy as the coordinating core of the development ecosystem in a socialist-oriented market economy.

● **Keywords:** state-owned economy; state-led development model; Resolution No. 79.

1. Mở đầu

Đổi mới là lựa chọn tất yếu đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng, tụt hậu và từng bước hội nhập quốc tế. Xuyên suốt tiến trình đó, việc xác lập và không ngừng hoàn thiện một mô hình phát triển phù hợp có ý nghĩa quyết định. Thực tiễn hơn bốn thập niên đổi mới cho thấy, kinh tế nhà nước luôn giữ vị trí trọng yếu trong tư duy và tổ chức phát triển của Đảng. Cách tiếp cận về vai trò của khu vực này đã có sự vận

động từ sở hữu và quy mô sang nhấn mạnh chức năng ổn định, định hướng và dẫn dắt phát triển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận, nội dung cấu thành, thực trạng vận hành của mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển ở Việt Nam, từ đó khái quát những giá trị lý luận và thực tiễn của mô hình này. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với

phân tích, tổng hợp tài liệu; đồng thời, dựa trên phương pháp thống kê mô tả để xử lý chuỗi dữ liệu dài hạn từ năm 1986 đến 2025, qua đó đối chiếu, luận giải các biến số cấu thành mô hình dưới góc nhìn kinh tế chính trị.

2. Nội dung

2.1. *Quá trình hình thành mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt trong tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam*

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, sự phát triển xã hội luôn gắn với vai trò định hướng của lý luận cách mạng. C.Mác khẳng định: “Lý luận chỉ trở thành lực lượng vật chất khi nó thâm nhập vào quần chúng” (C.Mác & Ph.Ăngghen, 1995, tr.30-31). V.I.Lênin nhấn mạnh: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng” (V.I.Lênin, 2025, tr.30). Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông; thực tiễn mà không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng” (Hồ Chí Minh, 2011, tr.273). Những luận điểm này thống nhất ở chỗ: lý luận không chỉ giải thích hiện thực mà còn định hướng, tổ chức và dẫn dắt sự phát triển xã hội.

Tuy nhiên, tư duy lý luận không dừng lại ở các nguyên lý chung mà cần đạt tới trình độ khái quát cao hơn dưới dạng mô hình phát triển. Mô hình là sự khái quát có hệ thống từ thực tiễn đã được kiểm nghiệm, cô đọng kinh nghiệm lịch sử và các quy luật vận động thành khung nhận thức định hướng hành động dài hạn. Trong khoa học xã hội và quản lý, mô hình là phương thức tổ chức tri thức về hiện thực nhằm hoạch định chính sách và dẫn dắt quá trình vận động kinh tế - xã hội.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, mỗi quốc gia hình thành mô hình phát triển riêng qua cách xử lý mối quan hệ nhà nước - thị trường. Ở Việt

Nam, xuất phát từ phương pháp luận duy vật lịch sử, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp cận mô hình không theo logic “thiết kế trước - áp dụng sau”, mà thông qua tổng kết thực tiễn lịch sử cụ thể. Trong công cuộc đổi mới, tư duy mô hình được hình thành từ yêu cầu giải quyết đồng thời các nhiệm vụ chiến lược: phát triển lực lượng sản xuất, hội nhập quốc tế, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Do đó, mô hình phát triển ở Việt Nam không phải bản thiết kế tiên nghiệm hay công thức cố định, mà là kết quả của quá trình nhận thức được tích lũy và nâng lên từ thực tiễn.

Mô hình phát triển Việt Nam mang tính động: vừa bảo đảm sự ổn định về mục tiêu chiến lược và các nguyên tắc nền tảng, vừa cho phép điều chỉnh linh hoạt cơ chế, công cụ và phương thức phân bổ nguồn lực theo từng giai đoạn. Điều này phản ánh đặc trưng tư duy lý luận của Đảng: “...kết hợp nhuần nhuyễn và kịp thời giữa tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận; giữa tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước” (ĐCSVN, 2026b, tr.239).

Quá trình hình thành nhận thức về vai trò kinh tế nhà nước được thể hiện xuyên suốt trong các văn kiện Đại hội Đảng. Đại hội VI (1986) mở đầu công cuộc đổi mới với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, đặt nền tảng cho việc nhận thức lại vị trí của kinh tế nhà nước trong điều kiện mới. Đại hội VIII (1996) khẳng định: “Kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác trở thành nền tảng trong nền kinh tế” (ĐCSVN, 2019a, tr.639). Đại hội IX (2001) tiếp tục làm rõ vai trò này khi xác định: “Trong nền

kinh tế của ta, kinh tế nhà nước phát huy vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế” (ĐCSVN, 2019a, tr.869). Đại hội XI (2011) giải thích rõ sự chuyển đổi nội hàm khái niệm: “Từ Đại hội VIII, Đảng ta đã sử dụng khái niệm “kinh tế nhà nước” (không đồng nghĩa với khái niệm “doanh nghiệp nhà nước”), bao gồm: ngân sách nhà nước, các quỹ của Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước” (ĐCSVN, 2019b, tr.352). Trên cơ sở đó, Đại hội XIII (2021) tiếp tục phát triển nhận thức khi mở rộng nội hàm kinh tế nhà nước từ phạm vi doanh nghiệp nhà nước sang toàn bộ nguồn lực thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện quản lý, nhấn mạnh chức năng ổn định vĩ mô và điều tiết phát triển: “Kinh tế nhà nước là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước giữ ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội” (ĐCSVN, 2021, tr.128). Đại hội XIV (2026) tiếp tục nhấn mạnh vai trò kiến tạo và dẫn dắt: “Phát triển kinh tế nhà nước hiệu quả, thật sự giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm ổn định vĩ mô, các cân đối lớn, định hướng chiến lược và dẫn dắt nền kinh tế” (ĐCSVN, 2026a, tr.95).

Điểm phát triển mới trong tư duy lý luận hiện nay là việc xác định lại nội hàm kinh tế nhà nước như một chỉnh thể thống nhất của toàn bộ nguồn lực công. Nghị quyết số 79-NQ/TW chỉ rõ kinh tế nhà nước không chỉ bao gồm doanh nghiệp nhà nước mà còn bao gồm ngân sách và dự trữ quốc gia, kết cấu hạ tầng chiến lược, đất đai và tài nguyên, các quỹ tài chính và tín dụng nhà nước cùng hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ phát triển và bảo đảm an ninh quốc gia (Bộ Chính trị, 2026). Cách tiếp cận này đánh dấu sự chuyển dịch từ nhận thức kinh tế nhà nước như một khu vực

kinh tế sang nhận thức kinh tế nhà nước như một hệ thống nguồn lực công có khả năng tổ chức và điều phối phát triển. Theo đó, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước được chuyển từ mức độ hiện diện trực tiếp trong sản xuất - kinh doanh sang năng lực kiến tạo không gian phát triển, dẫn dắt chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều phối các nguồn lực chiến lược. Sự chuyển đổi này phản ánh bước chuyển từ logic “Nhà nước tham gia thay thị trường” sang logic “Nhà nước định hình và dẫn dắt thị trường”, qua đó làm rõ cơ sở lý luận của mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển.

Sự vận động nhận thức trong tư duy lý luận của Đảng về kinh tế nhà nước đã chuyển từ “chủ đạo bằng hiện diện” sang “chủ đạo bằng chức năng”, đồng thời từ tiếp cận khu vực kinh tế sang tiếp cận hệ sinh thái nguồn lực công. Trên nền tảng đó, mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển được hình thành như bước phát triển tiếp theo của tư duy lý luận về vai trò Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Cấu trúc và logic vận hành của mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển ở Việt Nam

Mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển ở Việt Nam không được hiểu đơn thuần là khu vực doanh nghiệp nhà nước hay tỷ trọng đóng góp trong GDP, mà là một cấu trúc chức năng - thể chế - nguồn lực có tính động. Cấu trúc này phản ánh cách Nhà nước tổ chức, phân bổ và điều phối các nguồn lực công nhằm định hướng, điều tiết và kiến tạo phát triển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Logic vận hành của mô hình được nhận diện qua năm phương diện chủ yếu, được đối chiếu với các mệnh đề trong Nghị quyết số 79 của Bộ Chính trị (Bảng 1).

**Bảng 1. Các biến cấu thành
mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển**

Các biến cấu thành mô hình	Nội dung của biến	Nghị quyết 79	Ý nghĩa phương pháp luận	Chỉ báo đo lường đề xuất
(1) Dẫn dắt phát triển của kinh tế nhà nước (thực hiện qua: tiên phong - kiến tạo - mở đường)	Kinh tế nhà nước giữ vai trò định hướng và dẫn dắt, đi trước mở không gian phát triển mới thay vì bao trùm thị trường	"Kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước thực hiện vai trò định hướng, điều tiết, dẫn dắt phát triển kinh tế - xã hội"; "Kinh tế nhà nước phải giữ vai trò tiên phong, kiến tạo phát triển, dẫn dắt, mở đường"	Xác lập biến trung tâm của mô hình; làm rõ chuyển dịch từ "chủ đạo tĩnh" sang "chủ đạo động".	- Tỷ trọng đầu tư công trong các ngành/lĩnh vực mới hoặc hạ tầng chiến lược - Mức độ dẫn dắt hình thành thị trường mới (hạ tầng số, năng lượng, logistics...) - Vai trò đầu tư mở đường trước khu vực tư nhân
(2) Nền tảng nguồn lực của kinh tế nhà nước	Kinh tế nhà nước được nhận diện như cấu trúc nguồn lực công thuộc sở hữu toàn dân	"Nền tảng của kinh tế nhà nước bao gồm các nguồn lực do Nhà nước nắm giữ".	Cơ sở xây dựng biến "nguồn lực nền tảng"; bác bỏ cách hiểu kinh tế nhà nước = doanh nghiệp nhà nước	- Quy mô và cơ cấu đầu tư công/GDP - Tỷ lệ tài sản công và hạ tầng chiến lược do Nhà nước quản trị - Khả năng huy động và điều phối nguồn lực công trong các chương trình phát triển
(3) Cơ chế phân bổ và vận hành theo thị trường	Kinh tế nhà nước vận hành trong thị trường, chịu kỷ luật thị trường nhưng theo mục tiêu phát triển	"Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước phải được phân bổ chủ yếu theo cơ chế thị trường..."	Neo chặt mô hình vào kinh tế thị trường định hướng XHCN	- Tỷ lệ đầu thầu cạnh tranh trong đầu tư công - Tỷ trọng vốn công phân bổ qua đấu thầu, PPP, đấu giá - Mức độ minh bạch và thị trường hóa phân bổ nguồn lực
(4) Lan tỏa và tương tác với các khu vực kinh tế khác	Hiệu quả dẫn dắt thể hiện ở khả năng kích hoạt khu vực tư nhân và các thành phần khác	"Kinh tế nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo điều kiện và thúc đẩy các thành phần kinh tế khác cùng phát triển".	Tránh đo lường bằng tỷ trọng cơ học; nhấn mạnh hiệu ứng hệ sinh thái	- Tăng trưởng năng suất khu vực tư nhân sau đầu tư hạ tầng nhà nước - Mức độ tham gia của doanh nghiệp tư nhân trong chuỗi giá trị do Nhà nước mở đường - Tỷ trọng đầu tư tư nhân đi sau đầu tư công
(5) Tác động đến ổn định và định hướng xã hội chủ nghĩa	Mô hình gắn với ổn định vĩ mô, an ninh kinh tế và mục tiêu chiến lược	"Phát triển kinh tế nhà nước phải gắn với việc bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô..."	Khẳng định chiều kích chính trị - xã hội là cấu phần nội tại của mô hình	- Mức ổn định lạm phát, cân đối vĩ mô - Khả năng ứng phó khủng hoảng kinh tế - Duy trì các cân đối lớn và an ninh kinh tế

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

Các phương diện trên cho thấy mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển ở Việt Nam vận hành theo một logic thống nhất: Nhà nước thực hiện vai trò dẫn dắt thông qua quản trị các nguồn lực công nền tảng; vận hành theo nguyên tắc thị trường nhưng gắn với mục tiêu phát triển dài hạn; tạo hiệu ứng lan tỏa sang các khu vực kinh tế khác; đồng thời bảo đảm các mục tiêu ổn định chính trị - xã hội và định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây chính là cơ sở để nhận diện và đánh giá mức độ dẫn dắt của mô hình trong thực tiễn phát triển đất nước.

2.3. Vận hành mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển qua 40 năm Đổi mới và vấn đề đặt ra

Bốn mươi năm đổi mới (1986-2025) cho phép kiểm chứng thực tiễn đối với các biến cấu thành mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển đã xác lập ở trên.

Thực tiễn phát triển kinh tế Việt Nam cho thấy mô hình này không hình thành như một thiết kế lý thuyết có sẵn mà vận hành từng bước thông qua sự chuyển đổi đồng thời về vai trò dẫn dắt, cấu trúc nguồn lực công, cơ chế phân bổ theo thị trường, hiệu ứng lan tỏa giữa các khu vực kinh tế và chức năng ổn định vĩ mô của Nhà nước.

Các biểu hiện vận hành của năm biến cấu thành mô hình có thể được tổng hợp thông qua các chỉ tiêu dài hạn phản ánh sự biến đổi của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 1986-2025 (Bảng 2).

Bảng 2 phản ánh quá trình vận động nhất quán của mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt

phát triển trong 40 năm đổi mới. Cụ thể: i) Năng lực ổn định và điều tiết vĩ mô được củng cố rõ rệt khi nền kinh tế chuyển từ trạng thái lạm phát cực cao năm 1986 sang duy trì ổn định dài hạn, đồng thời từng bước kiểm soát nợ công trong ngưỡng an toàn. Điều này cho thấy vai trò của Nhà nước đã dịch chuyển từ can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất - phân phối sang điều phối vĩ mô và quản trị rủi

ro hệ thống; ii) Tỷ trọng đầu tư và GDP khu vực nhà nước giảm tương đối nhưng không kéo theo suy giảm vai trò chiến lược, mà phản ánh sự chuyển dịch từ “chủ đạo bằng hiện diện” sang “chủ đạo bằng định hướng”. Phạm vi tham gia trực tiếp được thu hẹp, trong khi trọng tâm được tập trung vào các lĩnh vực nền tảng và các điểm nút quyết định của cấu trúc phát triển; iii)

Quá trình sắp xếp và giảm mạnh số lượng doanh nghiệp nhà nước cho thấy vai trò chủ đạo không còn dựa trên số lượng đơn vị sở hữu, mà dựa trên năng lực tổ chức và điều phối nguồn lực công trong khuôn khổ thị trường. Chủ đạo vì vậy được xác lập bằng chất lượng vận hành thay vì bằng phạm vi kiểm soát hành chính; iv) Sự gia tăng liên tục của khu vực tư nhân và FDI trong cơ cấu GDP phản ánh hiệu ứng lan tỏa và mở rộng không gian thị trường. Kinh tế nhà nước chuyển từ vị thế cạnh tranh thay thế sang vị thế kiến tạo môi trường và dẫn dắt cấu trúc phát triển, hình thành tương tác bổ sung giữa các khu vực kinh tế.

Bốn mươi năm đổi mới (1986-2025) cho phép kiểm chứng thực tiễn đối với các biến cấu thành mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển đã xác lập ở trên. Thực tiễn phát triển kinh tế Việt Nam cho thấy mô hình này không hình thành như một thiết kế lý thuyết có sẵn mà vận hành từng bước thông qua sự chuyển đổi đồng thời về vai trò dẫn dắt, cấu trúc nguồn lực công, cơ chế phân bổ theo thị trường, hiệu ứng lan tỏa giữa các khu vực kinh tế và chức năng ổn định vĩ mô của Nhà nước.

Bảng 2. Các chỉ tiêu phản ánh vận hành mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển ở Việt Nam (1986-2025)

Năm/ Giai đoạn	Lạm phát (%)	Tỷ trọng đầu tư khu vực nhà nước (%)	Số lượng DNNN	GDP khu vực nhà nước (%)	Tư nhân (%)	FDI (%)	Nợ công (% GDP)	Ý nghĩa vận hành mô hình
1986	453,5	—	~12.300	—	—	—	—	Can thiệp trực tiếp cao, kinh tế mất ổn định
1995	~12	>60	~9.000	40,2	37,4	13,2	~35–40	Chủ đạo bằng hiện diện
2000	0–5	~50	~5.800	38,4	41,6	16,9	~36	Bắt đầu chuyển sang cơ chế thị trường
2010	9,2	~38	~1.300	33,1	45,4	18,3	~51	Thu hẹp DNNN, tăng điều tiết vĩ mô
2015	0,6	~32	~781	30,0	48,6	18,1	~62–63	Tái cơ cấu tài khóa, tập trung lĩnh vực nền tảng
2020	3,2	~28	~650	28,0	50,4	20,0	~55	Ổn định hệ thống trong bối cảnh biến động toàn cầu
2024	~3,5–4	~27	~500	27,0	52,0	21,0	~37–39	Củng cố ổn định tài khóa, dẫn dắt bằng thể chế
2025 (ước)	~4	~27	~450– 520	~26–27	~52–53	~21– 22	~36–38	Chủ đạo bằng chức năng điều phối chiến lược

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám Thống kê Việt Nam các năm 1986-2024; Bộ Tài chính, Báo cáo doanh nghiệp nhà nước 2024-2025; tổng hợp và tính toán của tác giả.

Như vậy, thực tiễn 40 năm đổi mới cho thấy mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển vận hành theo quy luật chuyển đổi căn bản: từ “chủ đạo bằng hiện diện” sang “chủ đạo bằng chức năng”. Quá trình này xác nhận tính nhất quán giữa khung lý luận của Nghị quyết 79 và thực tiễn vận động của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, kết quả vận hành được phản ánh qua các chỉ tiêu thực chứng tại Bảng 2 cho thấy mô hình đang bước vào giai đoạn chuyển tiếp quan trọng. Những thành tựu đạt được đồng thời làm

bộc lộ các vấn đề nội tại, phản ánh khoảng cách giữa vai trò được xác lập về mặt lý luận và năng lực vận hành thực tế. Có thể khái quát các vấn đề đặt ra trên một số phương diện sau:

Thứ nhất, khoảng cách giữa vai trò dẫn dắt được xác lập và năng lực thực thi trên thực tế. Xu hướng giảm tương đối của khu vực nhà nước trong cơ cấu kinh tế chưa đồng thời hình thành đầy đủ cơ chế dẫn dắt theo chiều sâu. Điều này cho thấy quá trình chuyển đổi từ vai trò chủ đạo dựa trên hiện diện sang vai trò chủ

đạo dựa trên chức năng vẫn đang trong trạng thái hoàn thiện, chưa vận hành ổn định.

Thứ hai, ranh giới giữa chức năng dẫn dắt phát triển và phương thức can thiệp hành chính truyền thống chưa thật sự rõ ràng. Khi quy mô trực tiếp của khu vực nhà nước thu hẹp nhưng hiệu quả phân bổ nguồn lực chưa cải thiện tương ứng, yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị nguồn lực công trở thành điều kiện quyết định để mô hình chuyển sang logic kiến tạo phát triển.

Thứ ba, hiệu ứng lan tỏa và dẫn dắt theo chiều sâu còn hạn chế. Mặc dù sự gia tăng tỷ trọng khu vực tư nhân và FDI cho thấy hiệu ứng mở rộng không gian thị trường, mức độ liên kết giữa các khu vực kinh tế trong chuỗi giá trị vẫn còn yếu.

Điều này phản ánh sự tồn tại của quan hệ đánh đổi nội tại giữa mục tiêu ổn định vĩ mô và yêu cầu thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Từ góc độ lý luận, những biểu hiện trên cho thấy mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển đang vận động theo quy luật chuyển hóa biện chứng: vai trò chủ đạo không còn được xác lập chủ yếu bằng phạm vi hiện diện trực tiếp trong nền kinh tế, mà ngày càng phụ thuộc vào năng lực kiến tạo thể chế, điều phối nguồn lực và dẫn dắt quá trình phát triển dài hạn.

2.4. Giải pháp hoàn thiện mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển ở Việt Nam

Trên cơ sở khung phân tích các yếu tố cấu thành và kết quả vận hành thực tiễn của mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển, việc hoàn thiện mô hình trong giai đoạn mới được đặt

trong yêu cầu điều chỉnh mang tính cấu trúc, nhằm chuyển hóa vai trò chủ đạo từ nhận thức lý luận sang năng lực vận hành thực chất của hệ thống. Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh kinh tế nhà nước phải trở thành “điểm tựa quốc gia” và nắm giữ những “cao điểm chiến lược chỉ huy của nền kinh tế” (Tô Lâm, 2026). Điều đó xác lập tiêu chuẩn đánh giá vai trò chủ đạo không phải ở tỷ trọng hay quy mô sở hữu, mà ở mức độ kiểm soát các đòn bẩy chiến lược và năng

lực điều phối quỹ đạo phát triển dài hạn. Để hiện thực hóa yêu cầu đó, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp cấu trúc tương ứng với các yếu tố cấu thành của mô hình như sau:

Thứ nhất, vai trò dẫn dắt phát triển được tái xác lập theo hướng chủ đạo bằng chức năng

chiến lược. Kinh tế nhà nước tập trung vào các lĩnh vực có tính quyết định đối với năng lực tự chủ và sức chống chịu của nền kinh tế như hạ tầng năng lượng chuyển dịch xanh, giao thông kết nối liên vùng, hạ tầng số và dữ liệu quốc gia, công nghiệp quốc phòng - an ninh, công nghệ lõi và các nền tảng đổi mới sáng tạo. Vai trò chủ đạo được hiện thực hóa thông qua việc định hình tiêu chuẩn kỹ thuật, dẫn dắt chuỗi giá trị, đầu tư môi để hình thành thị trường và tạo “đường băng thể chế” cho khu vực tư nhân tham gia sau khi cấu trúc thị trường đã được thiết lập. Trọng tâm không phải là bao phủ rộng, mà là kiểm soát các điểm nút quyết định của hệ thống phát triển.

Thứ hai, nguồn lực nền tảng được tổ chức lại theo logic đầu tư phát triển có kiểm soát rủi ro.

Trên cơ sở khung phân tích các yếu tố cấu thành và kết quả vận hành thực tiễn của mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển, việc hoàn thiện mô hình trong giai đoạn mới được đặt trong yêu cầu điều chỉnh mang tính cấu trúc, nhằm chuyển hóa vai trò chủ đạo từ nhận thức lý luận sang năng lực vận hành thực chất của hệ thống.

Nguồn lực công (bao gồm vốn đầu tư công, quỹ đất, tài nguyên, hạ tầng chiến lược và dữ liệu) được tích hợp trong một khung quản trị thống nhất, vận hành theo nguyên tắc lựa chọn dự án dựa trên tác động lan tỏa dài hạn và hệ số nhân tăng trưởng. Cơ chế phân bổ vốn đầu tư công được gắn với đánh giá vòng đời dự án và kết quả đầu ra đo lường được; tài sản công được số hóa và công khai hóa; quyền tiếp cận đất đai và tài nguyên được thực hiện theo cơ chế thị trường minh bạch. Khi nguồn lực công được quản trị như một danh mục đầu tư phát triển quốc gia thay vì như các khoản chi hành chính, vai trò dẫn dắt của kinh tế nhà nước được chuyển hóa thành năng lực tổ chức tăng trưởng.

Thứ ba, cơ chế vận hành theo thị trường được củng cố thông qua thiết lập kỷ luật thị trường thực chất đối với khu vực kinh tế nhà nước. Chức năng chủ sở hữu vốn nhà nước được chuyên nghiệp hóa và tách bạch khỏi chức năng quản lý nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước vận hành theo chuẩn mực quản trị hiện đại, chịu giám sát độc lập và công bố thông tin đầy đủ; cơ chế bao cấp ngầm và bảo lãnh rủi ro mặc định được loại bỏ. Quy trình tái cơ cấu, thoái vốn và xử lý doanh nghiệp yếu kém được thực hiện theo nguyên tắc thị trường, kể cả áp dụng cơ chế phá sản khi cần thiết. Khi chịu áp lực cạnh tranh bình đẳng, khu vực kinh tế nhà nước buộc phải nâng cao hiệu quả nội sinh thay vì dựa vào vị thế hành chính.

Thứ tư, hiệu ứng lan tỏa và tương tác hệ thống được tăng cường thông qua thiết kế các cơ chế liên kết công - tư theo chiều sâu. Doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò hạt nhân trong các cụm ngành chiến lược, dẫn dắt chuỗi cung ứng nội địa, chuyển giao công nghệ và thiết lập tiêu chuẩn sản xuất. Hiệu quả của khu vực này được đo bằng các chỉ số lan tỏa như tỷ lệ nội địa hóa,

mức độ tham gia của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuỗi giá trị, năng lực chuyển giao công nghệ và đóng góp vào hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Các mô hình hợp tác công - tư được triển khai trên cơ sở phân chia rủi ro minh bạch và bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và nhà đầu tư. Khi hiệu ứng lan tỏa trở thành thước đo chính, vai trò chủ đạo được xác lập bằng tác động hệ thống thay vì bằng quy mô tài sản.

Thứ năm, chức năng ổn định và định hướng vĩ mô được chuyển hóa theo hướng ổn định động và thích ứng chiến lược. Ổn định vĩ mô được hiểu là năng lực duy trì các cân đối lớn trong điều kiện biến động toàn cầu, đồng thời tạo dư địa cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Cơ chế phối hợp giữa chính sách tài khóa và tiền tệ được vận hành linh hoạt theo chu kỳ kinh tế; hệ thống dự báo và cảnh báo sớm rủi ro được nâng cấp; các quỹ dự phòng chiến lược và công cụ điều tiết vĩ mô được thiết kế theo hướng phòng ngừa khủng hoảng. Ổn định và đổi mới vì vậy được tích hợp trong cùng một cấu trúc vận hành, bảo đảm mô hình không trở thành lực cản của sáng tạo mà là nền tảng cho tăng trưởng dài hạn.

Thực hiện các giải pháp trên là điều kiện cần để thu hẹp khoảng cách giữa vai trò lý luận và năng lực thực tế của kinh tế nhà nước, qua đó hiện thực hóa mô hình dẫn dắt phát triển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Kết luận

Bài viết đã làm rõ mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển ở Việt Nam như một kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận trong hơn bốn thập kỷ đổi mới. Trên cơ sở khung phân tích gồm năm biến cấu thành và chuỗi dữ liệu dài hạn, nghiên cứu cho thấy mô hình này vận hành theo một logic chuyển dịch

nhất quán: từ phương thức can thiệp trực tiếp sang phương thức kiến tạo thể chế, tổ chức nguồn lực và dẫn dắt phát triển thông qua cơ chế thị trường. Đồng thời, bài viết cũng chỉ ra một số điểm nghẽn trong quá trình vận hành và bước đầu đề xuất các giải pháp mang tính cấu trúc nhằm hoàn thiện mô hình theo tinh thần Nghị quyết số 79.

Về phương diện lý luận, mô hình Việt Nam có thể được xem như một cách tiếp cận góp phần làm phong phú thêm các nghiên cứu về vai trò nhà nước trong phát triển. Nếu mô hình nhà nước phát triển (developmental state) ở Đông Á nhấn mạnh vai trò can thiệp trực tiếp và điều phối hành chính, còn cách tiếp cận tăng trưởng dẫn dắt bởi thị trường (market-led growth) đề cao cơ chế thị trường như động lực trung tâm, thì thực tiễn Việt Nam cho thấy khả năng dung hợp giữa hai khuynh hướng này trên nền tảng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điểm đáng lưu ý của mô hình là sự chuyển hóa từ “chủ đạo bằng hiện diện” sang “chủ đạo bằng chức năng”, trong đó Nhà nước tập trung kiến tạo không gian phát triển, mở đường cho các động lực thị trường, đồng thời bảo đảm ổn định vĩ mô và định hướng phát triển dài hạn.

Từ góc độ lý luận phát triển, có thể nhận diện mô hình kinh tế nhà nước dẫn dắt phát triển ở Việt Nam như một dạng thức của nhà nước kiến tạo định hướng phát triển (development-oriented enabling state), trong đó vai trò chủ đạo được xác lập không chủ yếu bằng quy mô sở hữu hay mức độ tham gia trực tiếp, mà bằng năng lực kiến tạo thể chế, điều phối nguồn lực và định hướng hệ thống kinh tế vận động theo mục tiêu chiến lược. Thành công bước đầu của mô hình này khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt

tiến trình đổi mới, đồng thời là minh chứng cho khả năng vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của đất nước □

Ngày nhận bài: 03/3/2026;

Ngày bình duyệt: 12/5/2026;

Ngày quyết định đăng: 22/6/2026.

Email tác giả: hoanhvct@gmail.com

Tài liệu tham khảo:

Bộ Chính trị (2026). *Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước.*

C.Mác & Ph.Ăngghen (1995). *Toàn tập (Tập 3)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

ĐCSVN (2019a). *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới phần I (VI, VII, VIII, IX)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

ĐCSVN (2019b). *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới phần II (X, XI, XII)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

ĐCSVN (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

ĐCSVN (2026a). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

ĐCSVN (2026b). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập II)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập (Tập 5)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Tô Lâm (2026). Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW và Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị. *Cổng Thông tin điện tử Chính phủ*. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn>

V.I.Lênin (2005). *Toàn tập (Tập 6)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.